

Bản án số: 317/2023/DS-PT

Ngày: 12-07-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự-
Hợp đồng hợp tác và Vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Bà Kiều Kim Xuân;

Ông Phạm Minh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12/07/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp dân sự- Hợp đồng hợp tác và hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/ DS-ST ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 304/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 06 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 368/2023/QĐ-PT ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn Hoài H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H: Ông Nguyễn Văn V – Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Đinh Quang M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông M: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị L: Anh Nguyễn Văn Hoài H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn Hoài H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn trình bày:

1. Do là chỗ quen biết làm ăn, vào ngày 16/9/2021 sau khi bàn bạc, bà B có hùn tiền với anh H1 nuôi 03 hằm cá trê vàng. Số tiền bà B đưa cho anh H1 mua thức ăn, cá giống, thuốc là: 687.300.000 đồng (Sáu trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm ngàn đồng) (Gồm: 75.000.000 đồng ao 2 Ảnh; 350.000.000 đồng ao ông nội: 226.800.000 đồng ao mương lộ, ao 2 Ảnh và ao ông nội, 35.500.000 đồng tiền lãi vay và anh H1 mượn riêng bà B).

Anh Nguyễn Văn Hoài H1 đã đưa cho bà B tiền vốn tổng cộng là 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng). Như vậy, H1 còn nợ lại 277.300.000 đồng.

Đến ngày 16/7/2022 ghi nhận được tổng số tiền bán cá là: 1.156.652.000 đồng. Tiền bán cá anh H1 giữ toàn bộ.

Sau khi bán cá xong, bà B kêu gọi lại tính tiền để chia nhưng nhiều lần anh H1 không chịu tính và diện nhiều lý do.

Đến ngày 26/7/2022, anh H1 đến nhà đưa cho bà B mấy tờ giấy do anh H1 tự tính tiền, thấy chưa rõ ràng về những tờ hóa đơn nên bà B không thống nhất và bà B kêu anh H1 ngồi lại giáp mặt để tính cho rõ ràng nhưng anh H1 tiếp tục hèn.

Trong những tờ giấy mà anh H1 tự tính, tự chi tiêu. Sau khi tính toán các khoản chi tiêu thức ăn, thuốc, cá giống thì số tiền lợi nhuận thu được sau khi bán cá là 44.817.000 đồng.

Trang đầu tiên của phần ao nhà nội, anh H1 đã tính nhầm, chênh lệch 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Như vậy, lợi nhuận và tiền chênh lệch tổng cộng là $60.817.000 \text{ đồng} / 2 \text{ người} = 30.408.500 \text{ đồng}$. Tiền bà B đưa cho anh H1 mua cá giống, thức ăn, thuốc bà B cũng đi vay mượn, nếu để lâu bà B phải đóng lãi nhiều. Do vậy, đến ngày 05/9/2022, bà B đến nhà anh H1 kêu tính tiền nhưng anh H1 tiếp tục hèn nên xảy ra cự cãi qua lại. Bà B có trình qua tổ, ấp giải hòa nhưng không thành.

Nay khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết:

Buộc anh Nguyễn Văn Hoài H1 và chị Lê Thị Tuyết L trả cho bà B số tiền hùn vốn nuôi cá còn nợ là 277.300.000 đồng và tiền lợi nhuận thu được từ việc nuôi cá là 30.408.500 đồng, tổng cộng là 307.708.500 đồng.

2. Do cần vốn mua cá trê vàng giống để nuôi cá nên ngày 22/10/2021, anh H1 có vay của bà B số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,4%/tháng, hạn đến ngày 22/11/2021 sẽ trả lại cho bà B, hai bên có viết biên nhận. Đến hạn, anh H1 không trả nợ cho bà B. Nay bà B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết: Buộc anh Nguyễn Văn Hoài H1 và chị Lê Thị Tuyết L có trách nhiệm liên đới trả cho bà B số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 22/11/2021 đến ngày 12/9/2022 (09 tháng 23 ngày) với mức lãi suất 0,4%/tháng, tiền lãi tạm tính là 3.906.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 103.906.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 0,4%/tháng đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tòa án giải quyết về yêu cầu hùn vốn, chỉ yêu cầu anh Nguyễn Văn H2 Hạn trả số tiền vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất và cũng không yêu cầu chị Lê Thị Tuyết L liên đới trả số tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Hoài H1 và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Tuyết L trình bày:

1. Đối với yêu cầu hùn vốn của bà B, anh H1 cho rằng giữa anh và bà B không có hùn vốn nuôi cá, anh H1 chỉ hùn vốn nuôi cá trê vàng và cá lóc với ông Đinh Quang M (chồng của bà B). Sau khi anh H1 kết sổ thu chi và hùn vốn do anh tính toán thì ông M phải trả lại cho anh H1 số tiền 240.902.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng). Tuy nhiên, anh H1 không yêu cầu phản tố trong vụ án này, anh sẽ khởi kiện yêu cầu hùn vốn trong vụ án khác.

Tại phiên tòa bà B rút yêu cầu về việc hùn vốn hợp tác, anh H1 cũng thống nhất.

2. Đối với yêu cầu của bà B về việc buộc anh H1 và chị L trả cho bà 100.000.000 đồng tiền vay theo biên nhận ngày 22/10/2021, anh H1 thừa nhận có tự viết biên nhận và ký tên có vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/tháng, thời hạn vay 01 tháng từ ngày 22/10/2021 đến ngày 22/11/2021. Tuy nhiên, đây là số tiền vay chung để hùn vốn nuôi cá. Bà B vay 200.000.000 đồng của người thứ ba (anh H1 không rõ họ tên), chia vốn 50%, anh H1 ký xác nhận có nợ bà B 100.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2021 anh H1 đã trả trước 70.000.000 đồng, tiền lãi 5.000.000 đồng (có ghi âm kèm theo). Sau đó, anh và bà B thỏa thuận là 200.000.000 đồng tiền bà B đứng ra vay là vốn chung của anh H1 và ông M. Do đó, số tiền bà B yêu cầu tại hợp đồng vay thực chất là số tiền hùn vốn hợp tác đã được Tòa án thụ lý thành một vụ kiện độc lập. Do đó, anh H1 không đồng ý trả số tiền như bà B yêu cầu.

Tại phiên tòa, anh H1 trình bày khi anh trả bà B 70.000.000 đồng thì anh có ghi âm và có thống nhất thỏa thuận với bà B là nhập số tiền trên vào tiền hùn vốn. Sau khi bán cá xong, anh đã tính toán và trả bà B xong nhưng do sơ suất anh không lấy lại biên nhận. Anh H1 khẳng định trong suốt quá trình hợp tác, bà B đưa tiền nhiều lần, không làm biên nhận. Anh chỉ ký vay của bà B số tiền 100.000.000 đồng trên. Do anh đã trả xong tiền vay cho bà B nên anh không đồng ý trả tiếp.

Việc bà B rút lại yêu cầu vợ anh là chị Lê Thị Tuyết L cùng liên đới với anh thì anh không có ý kiến.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B.

- Buộc anh Nguyễn Văn Hoài H1 trả cho bà B số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu anh H1 phải trả lãi trên số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,4%/tháng thời gian tính từ ngày khởi kiện cho đến khi trả hết nợ và yêu cầu liên đới đối với chị Lê Thị Tuyết L cùng liên đới với anh H1 trả cho bà B số tiền 100.000.000 đồng. Đồng thời, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu anh H1, chị L phải trả số tiền hùn vốn hợp tác là 307.708.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm anh H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến trình bày và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B với bị đơn là anh Nguyễn Văn Hoài H1 về việc yêu cầu trả nợ vay nên Tòa án cấp sơ

thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bên bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Hoài H1 về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Vào ngày 22/10/2021, giữa nguyên đơn là bà B có cho bị đơn là anh H1 vay số tiền 100.000.000 đồng, đã được nguyên đơn chứng minh bằng Biên nhận tiền ngày 22/10/2021 (bản chính) có chữ ký và ghi họ tên người nhận là Nguyễn Văn Hoài H1 đã thể hiện đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Hoài H1 thừa nhận có ký và viết tên nội dung biên nhận ngày 22/10/2021. Như vậy, việc anh H1 có vay số tiền 100.000.000đ của bà B là có thật.

Tuy nhiên, anh H1 cho rằng số tiền 100.000.000đ mà anh làm biên nhận cho bà B là nằm trong số tiền bà B vay 200.000.000đ để hùn vốn nuôi cá; đến ngày 28/11/2021 anh có trả được cho bà B 70.000.000đ, nhưng do sơ xuất nên anh không có lấy biên nhận mà có cung cấp là đoạn ghi âm, nhưng qua xem xét đoạn ghi âm cũng chưa có cơ sở xác thực nào để chứng minh rằng anh H1 trả 70 triệu đồng này cho khoản vay 100 triệu. Bởi vì, trong đoạn ghi âm chỉ thể hiện, bên phần tiền hùn vốn nuôi cá, bà B có đưa cho anh H1 số tiền 200.000.000đ; Tại phiên tòa hôm nay, bà B khẳng định, bà rút yêu cầu đối với việc hùn vốn nuôi cá, bà chỉ kiện anh H1 về tiền cho vay. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định anh H1 có vay của bà B 100.000.000đ và hiện nay chưa trả cho bà B. Nên việc bà B khởi kiện yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà B là phù hợp.

Do việc hùn vốn, tại phiên tòa sơ thẩm, bà B đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1 nên anh H1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Văn H2 Hận
2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 03/03/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Cao Lãnh;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B.

Buộc anh Nguyễn Văn H2 H1 trả cho bà B số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu anh H1 phải trả lãi trên số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 0,4%/tháng thời gian tính từ ngày khởi kiện cho đến khi trả hết nợ và yêu cầu liên đới đối với chị Lê Thị Tuyết L cùng liên đới với anh H1 trả cho bà B số tiền 100.000.000 đồng. Đồng thời, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu anh H1, chị L phải trả số tiền hùn vốn hợp tác là 307.708.500 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Hoài H1 có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.597.000 (Hai triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014556 ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.690.000 (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014555 ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh H1 phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000344 ngày 20/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Cao Lãnh .

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS H. Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh